

Đơn vị: Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn  
Chương: 799

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Sơn, ngày 14 tháng 7 Năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 398 /QĐ-TTĐT ngày 14/7/2025 của Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện 6 tháng/2024	Dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng/2025	Thực hiện/Dự toán (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>					
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>					
1	Lệ phí					
2	Phí					
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>					
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>					
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>					
2	Phí					
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>15.716,77</b>	<b>43.275,31</b>	<b>14.652,72</b>	<b>34%</b>	<b>93%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>15.716,77</b>	<b>43.275,31</b>	<b>14.652,72</b>	<b>34%</b>	<b>93%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

Số TT	Nội dung	Thực hiện 6 tháng/2024	Dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng/2025	Thực hiện/Dự toán (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>15.716,77</b>	<b>43.275,31</b>	<b>14.652,72</b>	<b>34%</b>	<b>93%</b>
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.572,55	30.700,89	14.076,39	46%	122%
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.144,22	12.574,42	576,33	5%	14%
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>					



PB+YTX+TB